

BÀI 2 これは何(なん)ですか
KORE WA NAN DESU KA

アンナ	さくらさん。はい、どうぞ。	Chị Sakura ơi.
Anna	SAKURA-SAN. HAI, DÔZO.	Xin tặng chị.
さくら	これは何(なん)ですか。	Đây là cái gì?
Sakura	KORE WA NAN DESU KA.	
アンナ	それはタイのお土産(みやげ)です。	Đấy là món quà lưu niệm của
Anna	SORE WA TAI NO OMIYAGE DESU.	Thái Lan.
さくら	ありがとうございます。	Xin cảm ơn chị.
Sakura	ARIGATÔ GOZAIMASU.	
アンナ	どういたしまして。	Không có gì ạ.
Anna	DÔITASHIMASHITE.	



Mẫu ngữ pháp



① **KORE WA NAN DESU KA** (Đây là cái gì?)

◈ KA là trợ từ. Nếu thêm KA vào cuối câu và lên giọng khi nói thì được câu nghi vấn.
Ví dụ: SORE WA NAN DESU KA. (Đấy là cái gì?)

② **Danh từ A NO Danh từ B**

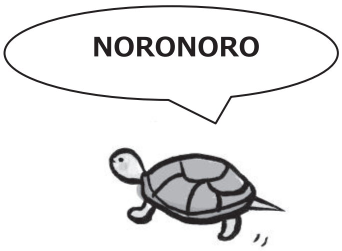
◈ NO là trợ từ nối hai danh từ. Trong tiếng Nhật, từ bổ nghĩa cho danh từ được đặt trước danh từ.
Ví dụ: TOKYO NO OMIYAGE（món quà lưu niệm của Tokyo）



Từ tượng thanh và tượng hình



Từ miêu tả việc bước đi vội vã



Từ miêu tả việc đi quá chậm